

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Dự toán mua sắm: May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật cho Trung tâm kỹ thuật cao & Tiêu hoá Hà Nội – Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn

Gói thầu: May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật cho Trung tâm kỹ thuật cao & Tiêu hoá Hà Nội

Bên mời thầu: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn

Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động thường xuyên

- Địa điểm thực hiện dịch vụ (giao hàng): Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, số 12 phố Chu Văn An, phường Ba Đình, TP Hà Nội.

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh rộng rãi, trong nước, qua mạng

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025 – Quý I/2026.

Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày

Quy mô gói thầu: May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật cung cấp cho Trung tâm kỹ thuật cao & Tiêu hoá Hà Nội

Nội dung và khối lượng hàng hóa: Chi tiết tại Mẫu số 01B - Phạm vi cung cấp.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa thuộc gói thầu là mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng chủng loại và các yêu cầu kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa cung cấp phải có đầy đủ bao bì, tem nhãn của nhà sản xuất.

- Nhà thầu phải cam kết, trước khi thực hiện công việc trách nhiệm trình chủ đầu tư duyệt: Màu sắc, chất liệu vải; kiểu dáng; phụ kiện; thiết kế chi tiết từng loại sản phẩm theo mô tả và theo nhu cầu thực tế của chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải cam kết, lấy số đo và may đo cho từng người theo danh sách chủ đầu tư cung cấp, không cấp hàng theo size (cỡ) chung. Chất liệu vải và kỹ thuật may đảm bảo yêu cầu theo các quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (Kỹ thuật may đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 6054–1995: Quần áo may mặc thông dụng

cũng như các tiêu chuẩn quy định khác hiện hành).

- Nhà thầu phải cam kết có trách nhiệm gửi đầy đủ các mẫu vải theo yêu cầu của bên mời thầu; đồng thời cam kết thực hiện các nội dung khác của yêu cầu về mẫu vải.

+ Cụ thể dự kiến danh mục mẫu vải, nếu chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu gửi:

Stt	Loại vải	Thông số kỹ thuật	Số lượng mẫu
1	Vải kaki	Màu sắc: nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h	≥ 01 mẫu
2	Vải kaki chun nhật	Màu sắc: trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100 Polyeste Khối lượng vải (g/m ²) 227 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:548x315 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (0)x(0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 205x128 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5	≥ 01 mẫu
3	Vải kaki	Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5	≥ 01 mẫu
4	Vải kaki	Màu sắc: ghi Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 87±1; Cotton 13 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 204 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 398x210 ±2 Thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%)DxN: -1,0 x -0,5 (±0,5) Độ bền màu giặt (cấp) : 4-5	≥ 01 mẫu
5	Vải Cotton	Màu sắc: xanh hòa bình Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m ²) 266 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:454x202 ±2	≥ 01 mẫu

		Độ bền xé rách (N) (DxN) 9x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h	
6	Vải polyester	Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 100 Khối lượng vải (g/m ²) 132 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 500x338 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 27 x 20 ±2 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (0)x(-0,5)±0.5	≥ 01 mẫu
7	Vải kaki	Màu sắc: Màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m ²) 266 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 454x202 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 9x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h	≥ 01 mẫu
8	Vải kaki chun	Màu sắc : Xanh ngọc đậm Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 80±1; Visco 14±1; Spandex 5±1; Khối lượng vải (g/m ²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (DxN) 494x374±2 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 141x340±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h	≥ 01 mẫu

+ Mẫu vải của nhà thầu cung cấp, trong trường hợp cần thiết chủ đầu tư sẽ gửi đến đơn vị thí nghiệm độc lập để thí nghiệm lại đối với một số hoặc toàn bộ mẫu vải của nhà thầu gửi; để làm căn cứ đánh giá về sự đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (chất lượng) của sản phẩm nhà thầu đề xuất cung cấp.

+ Mẫu vải của nhà thầu nộp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật sẽ là mẫu vải đối chiếu trong suốt quá trình bàn giao hàng hóa khi đơn vị cung ứng trúng thầu.

+ Mẫu vải của nhà thầu nếu không sử dụng làm thí nghiệm; chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại cho nhà thầu.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu:

STT	TÊN HÀNG	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Áo NB người lớn	<p>Chất liệu: Vải kaki Màu sắc: nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện</p>	Cái	120
2	Quần NB người lớn	<p>Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT</p>	Cái	120
3	Áo NB trẻ em	<p>Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện</p>	Cái	21
4	Quần NB trẻ em	<p>Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô</p>	Cái	21

		(%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT		
5	Áo NB nội soi đại tràng	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện	Cái	50
6	Quần NB nội soi đại tràng	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần pijama có khoét đũng	Cái	50
7	Áo cho NB chụp XQ	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện	Cái	30
8	Quần cho NB chụp XQ	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5	Cái	30

		Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần pijama cặp chun		
9	Ga giường chun 200x90x15cm	Chất liệu: kaki chun nhật Màu sắc: trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100 Polyeste Khối lượng vải (g/m ²) 227 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:548x315 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (0)x(0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 205x128 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : may chun xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện	Cái	150
10	Săng mô đúp trải bàn mô 2,2m x 1,2m	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện	Cái	80
11	Khăn gói dụng cụ 1m x 1m	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: ghi Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 87±1; Cotton 13 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 204 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 398x210 ±2 Thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) DxN: -1,0 x -0,5 (±0,5) Độ bền màu giặt (cấp) : 4-5 Quy cách may: may xung quanh 2 lớp đường may 0,7cm có trần trám Có in logo bệnh viện	Cái	80
12	Chăn hè thu 160x200cm	Chất liệu: Cotton Màu sắc: xanh hòa bình Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m ²) 266 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:454x202 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 9x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: chăn trần trám Có in logo bệnh viện	Cái	80
13	Ruột gói	Chất liệu: Bông siêu nhẹ, vỏ vải polyester Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 100	Cái	50

		<p>Khối lượng vải (g/m²) 132 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 500x338 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 27 x 20 ±2 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (0)x(-0,5)±0.5 Quy cách - Khối lượng: 0,5kg/cái - Kích cỡ: 40 cm x 60cm</p>		
14	Vỏ gối 50x70cm	<p>Chất liệu: kaki Màu sắc: Màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m²) 266 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:454x202 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 9x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Vỏ gối chân trám Có in logo bệnh viện</p>	Cái	150
15	Áo choàng người lớn dịch vụ	<p>Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Áo choàng qua gối Có in logo Bệnh viện</p>	Cái	10
16	Áo choàng người nhà	<p>Chất liệu: Vải kaki chun Màu sắc : Xanh ngọc đậm Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 80±1; Visco 14±1; Spandex 5±1; Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (DxN) 494x374±2 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 141x340±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện</p>	Cái	150

1.2.3. Các yêu cầu khác

- Hàng hóa phải có đầy đủ các tính năng, thông số kỹ thuật, tem của nhà sản xuất hoặc phân phối theo đúng tiêu chuẩn của hãng;

- Có cam kết cung cấp hàng hóa đủ số lượng, đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT;

- Có cam kết hàng hóa đảm bảo an toàn cho người sử dụng, không độc hại khi sử dụng, thân thiện với môi trường;

- Có cam kết bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không có tính năng kỹ thuật phù hợp với nội dung yêu cầu thì sẽ cấp lại ngay sau khi nhận được yêu cầu;

- Có cam kết giao hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cấp hàng, theo từng đợt của chủ đầu tư và tổng số hàng sẽ trong thời gian 06 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

- Có cam kết bảo hành hàng hóa trong vòng 12 tháng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tùy điều kiện nào đến trước. Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa có lỗi, hư hỏng gì không phải do lỗi của người sử dụng thì nhà thầu phải có trách nhiệm đổi mới hàng hóa trong vòng 01 ngày kể từ khi nhận được thông báo từ Chủ đầu tư.

- Số lượng hàng hóa cung cấp: Số lượng hàng hóa cung cấp hàng tháng căn cứ vào nhu cầu thực tế của Chủ đầu tư. Hàng tháng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trên cơ sở số lượng thực tế nhân với đơn giá được quy định trong hợp đồng.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra, thí nghiệm vải may được thực hiện tại đơn vị thí nghiệm độc lập.

- Kiểm tra hàng hóa được tiến hành tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, số 12, phố Chu Văn An, Ba Đình, Hà Nội

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thí nghiệm mà không có tính năng kỹ thuật phù hợp với nội dung yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và yêu cầu cấp hàng mới thay thế.